

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2026/DS-ST
Ngày: 02 – 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đẹp

Ông Nguyễn Thanh Liêm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Ngọc Thanh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2026/QĐXXST-DS ngày 29/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026; Quyết định ngừng phiên tòa số 76/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1558/TB-TA ngày 20/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Tấn K, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K là anh Lê Ngọc Ph, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp Hưng Hòa, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: 1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

2. Chị Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Huỳnh Tấn K có anh Lê Ngọc Ph đại diện trình bày:

Anh K và chị Ph là bà con chú bác ruột, thời điểm khoảng tháng 01 năm 2025 chị Ph có thu mua mít lột sẵn từ người dân sau đó giao lại cho công ty mít sấy Nam Huy thì chị Ph có hỏi vay anh K tiền để làm vốn mua bán. Việc chị Ph nói vay tiền anh K để mua bán thì không có làm giấy tờ vì là bà con ruột nhưng các lần anh K cho chị Ph vay tiền thì có chuyển khoản qua Ngân hàng, cũng có lần chị Kim A là vợ anh K đưa tiền mặt cho chị Ph nhận. Khi chị Ph hỏi vay tiền của anh K thì chị Ph có nói mỗi ký mít chị mua sẽ cho anh K 500 đồng xem như tiền lời.

Các lần anh K chuyển khoản cho chị Ph theo số tài khoản chị Ph cung cấp là 101868463710 Ngân hàng Viettinbank, còn anh K dùng số tài khoản là 107880358920 ngân hàng Viettinbank để nhận tiền từ chị Ph cụ thể như sau:

Lần 1: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 20.000.000 đồng ngày 13/02/2025 kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 22.

Lần 2: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 14.800.000 đồng ngày 15/02/2025 kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 26.

Lần 3: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 5.000.000 đồng ngày 15/02/2025 kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 28.

Tổng 03 lần anh K chuyển cho chị Ph từ ngày 13/02/2025 và ngày 15/02/2025 là 39.800.000 đồng.

Ngày 17/02/2025 chị Ph đã chuyển trả lại cho anh K đủ số tiền 39.800.000 đồng. Cộng thêm 600.000 đồng chị Ph cho phí của khoản tiền vay lúc đầu là 40.400.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 29.

Anh K xác định các khoản tiền cho chị Ph vay là tài sản chung của anh K và chị Kim A. Anh K, chị Kim A bắt đầu cho chị Ph vay lại số tiền như sau:

Lần 1: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 30.000.000 đồng ngày 23/02/2025; kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 37 và tin nhắn zalo từ 1.

Lần 2: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 10.000.000 đồng ngày 26/02/2025; kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 42 và tin nhắn zalo từ 2.

Lần 3: Anh K chuyển cho chị Ph số tiền 30.000.000 đồng ngày 19/3/2025; kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 127 và tin nhắn zalo từ 3.

Tổng 03 lần anh K chuyển cho chị Ph từ ngày 23/02/2025, 26/02/2025 và ngày 19/3/2025 là 70.000.000 đồng cộng 2.000.000 đồng chị Ph cho phí khoản tiền vay lúc đầu là 72.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng tờ 1, 2, 3.

Ngày 26/3/2025 anh K chuyển thêm cho chị Ph số tiền 28.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 143 và tin nhắn zalo tờ 4.

Ngày 30/3/2025 vợ anh K đưa thêm cho chị Ph vay 20.000.000 đồng tiền mặt kèm theo tin nhắn Zalo tờ 5.

Ngày 31/3/2025 vợ anh K đưa thêm cho chị Ph vay 20.000.000 đồng tiền mặt kèm theo tin nhắn Zalo tờ 6.

Ngày 01/4/2025 anh K chuyển thêm cho chị Ph số tiền 10.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 165 và tin nhắn zalo tờ 7.

Ngày 02/4/2025 anh K chuyển thêm cho chị Ph số tiền 19.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 167 và tin nhắn zalo tờ 8.

Ngày 03/4/2025 anh K chuyển cho chị Ph số tiền 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền mặt tổng cộng 10.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 179 và tin nhắn zalo tờ 9, 10.

Ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển trả cho anh K số tiền 29.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 181 và tin nhắn zalo tờ 11.

Ngày 11/4/2025 vợ anh K đưa thêm cho chị Ph vay 20.000.000 đồng tiền mặt kèm theo tin nhắn Zalo tờ 12.

Ngày 12/4/2025 anh K chuyển cho chị Ph số tiền 20.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 205 và tin nhắn zalo tờ 13.

Từ ngày 23/02/2025 đến hết ngày 12/4/2025 anh K đã chuyển khoản cho chị Ph vay số tiền 126.000.000 đồng và vợ anh K đưa cho chị Ph tiền mặt là 64.000.000 đồng. Tổng cộng chị Ph vay của vợ chồng anh K là 190.000.000 đồng.

Ngày 04/6/2025 chị Ph chuyển trả được 10.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 290 và tin nhắn zalo tờ 14.

Ngày 05/6/2025 chị Ph trả tiền mặt cho vợ anh K được 10.000.000 đồng kèm theo tin nhắn zalo tờ 15. Như vậy chị Ph còn thiếu số tiền 170.000.000 đồng.

2. Phần chị Ph chuyển tiền cho lợi nhuận anh K 500đ/1kg mít.

Ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển tiền lợi nhuận cho anh K là 7.976.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 182 và tin nhắn zalo tờ 16.

Ngày 15/4/2025 chị Ph chuyển tiền lợi nhuận cho anh K là 7.000.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 216 và tin nhắn zalo từ 17, 18.

Ngày 24/4/2025 chị Ph cho lợi nhuận anh K bằng tiền mặt 5.460.000 đồng kèm tin nhắn zalo từ 19.

Ngày 01/5/2025 chị Ph chuyển cho anh K vay 5.000.000 đồng và anh K đã trả tiền mặt ngay sau đó cho chị Ph.

Ngày 11/6/2025 chị Ph chuyển tiền lợi nhuận cho anh K là 5.500.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 304 và tin nhắn zalo từ 19.

Ngày 27 và ngày 29/6/2025 chị Ph chuyển tiền lợi nhuận cho anh K là 6.385.000 đồng theo hóa đơn từ ngày 09/6 đến ngày 25/6/2025 với tổng số ký mít là 17.096kg anh K được cho 8.545.000 đồng nhưng vì chị Ph bị lỗi nên trừ ra 2.160.000 đồng, còn lại 6.385.000 đồng kèm theo chứng từ giao dịch ngân hàng số thứ tự 349, 354 và tin nhắn zalo từ 20.

Ngày 08/7/2025 chị Ph cho lợi nhuận cho anh K là 3.831.000 đồng kèm tin nhắn zalo từ 22.

Tổng số tiền lợi nhuận mà chị Ph chuyển cho anh K hưởng 500đ/1kg mít là 36.152.000 đồng và một tin nhắn thỏa thuận xin giảm nợ từ 23, 24, 25, 26.

Anh K xác định các khoản tiền mà anh K giao cho chị Ph là khoản tiền vợ chồng anh K cho chị Ph vay làm vốn thu mua mít từ người dân. Không có chuyện anh K nhờ chị Ph mua mít dùm. Trước đây khoảng 02 – 03 năm thì anh K có chia mít từ chị Ph khoảng 02 lần, mỗi lần khoảng 01 tấn giá khoảng 2.000.000 đồng và đã trả cho chị Ph xong thời điểm đó. Từ thời điểm anh K chuyển tiền cho chị Ph vay (khoảng tháng 01/2025) để mua mít thì anh K không có chia mít từ gia đình chị Ph nên không có chuyện anh K hùn vốn với chị Ph, cũng không có nhờ chị Ph mua mít dùm.

Anh K sử dụng số điện thoại 0799425833, cũng là số zalo. Anh K lưu zalo chị Ph tên Huỳnh Thị Ph, tin nhắn zalo trao đổi qua lại vẫn còn.

Anh K chỉ chuyển khoản cho chị Ph, còn tiền mặt thì mỗi lần vợ anh K giao tiền cho chị Ph nhận, còn bà Tư thì không có nhận khoản tiền nào từ anh K, chị Kim A.

Nay anh Huỳnh Tân K yêu cầu bà Trần Thị T và chị Huỳnh Thị Ph liên đới trả cho vợ chồng anh K, chị Kim A số tiền đã vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.³

Bị đơn chị Huỳnh Thị Ph trình bày:

Chị Ph và anh K là bà con chú bác ruột. Chị Ph thu mua mít trái và mít lột sẵn từ người dân khoảng 07 năm nay. Chị Ph thừa nhận các khoản tiền mà anh K đưa cho chị Ph là chị Ph vay để mua mít rồi giao lại cho công ty Nam Huy.

Anh K có chuyển tiền cho chị Ph theo số tài khoản của của chị Ph là 101868463710 Ngân hàng Viettinbank, số tiền chị Ph nhận từ anh K là 193.300.000 đồng.

Bên cạnh đó chị Ph có chuyển khoản trả lại tiền cho anh K. Các lần chị Ph chuyển tiền cho anh K gồm:

Ngày 17/2/2025 chị Ph chuyển trả 40.400.000 đồng.

Ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển trả 29.000.000 đồng.

Ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển trả 7.976.000 đồng.

Ngày 15/4/2025 chị Ph chuyển trả 7.000.000 đồng.

Chị Ph xác định không có thỏa thuận việc đưa cho anh K mỗi kg mít 500 đồng như anh K trình bày.

Bà Tư là mẹ ruột của chị Ph, việc anh K chuyển tiền cho chị Ph để thu mua mít thì không có liên quan gì đến bà Tư. Những khoản tiền anh K chuyển khoản cho chị Ph, giao tiền mặt cho chị Ph, sau đó chị Ph chuyển lại cho anh K thì cũng chỉ có chị Ph và anh K thực hiện. Bà Tư chưa lần nào nhận tiền từ anh K.

Chị Ph sử dụng số điện thoại 0776948107, cũng là số zalo chị Ph. Chị Ph lưu zalo anh K tên Kiệt. Trong thời gian hai bên làm ăn chung thì cũng có nhắn tin qua lại nhưng không nhớ nội dung gì.

Nay chị Huỳnh Thị Ph chỉ đồng ý trả cho anh Huỳnh Tấn K số tiền còn thiếu là 108.924.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị T có mặt tại phiên tòa ngày 02/6/2026 bà Tư trình bày: Bà Tư không có vay tiền và không liên quan về số tiền 170.000.000 đồng nên bà Tư không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh Huỳnh Tấn K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim A vắng mặt nhưng theo văn bản trình bày ý kiến ngày 20/4/2026, chị Kim A trình bày:

Ngày 30/3/2025 chị Kim A đưa cho chị Ph vay 20.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2025 chị Kim A đưa cho chị Ph vay 20.000.000 đồng.

Ngày 03/4/2025 chị Kim A đưa cho chị Ph vay 4.000.000 đồng.

Ngày 11/4/2025 chị Kim A đưa cho chị Ph vay 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền mặt chị Kim A đã đưa chị Ph là 64.000.000 đồng.

Nay chị Trần Thị Kim A thống nhất theo yêu cầu của anh Huỳnh Tấn K, yêu cầu bà Trần Thị T, chị Huỳnh Thị Ph trả số tiền 170.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn K.

Buộc chị Huỳnh Thị Ph trả cho anh Huỳnh Tấn K và chị Trần Thị Kim A số tiền vay còn thiếu 170.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Tấn K về việc yêu cầu bà Trần Thị T liên đới cùng chị Huỳnh Thị Ph trả số tiền 170.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện anh Huỳnh Tấn K yêu cầu bà Trần Thị T và chị Huỳnh Thị Ph trả cho anh K, chị Trần Thị Kim A tiền vay còn thiếu là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện bà Trần Thị T và chị Huỳnh Thị Ph cư trú tại ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp nên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp có thẩm quyền giải quyết.

Bà Trần Thị T và chị Trần Thị Kim A có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của anh Huỳnh Tấn K, Hội đồng xét thấy như sau:

Anh K, chị Kim A cho rằng đã cho chị Ph vay tiền nhiều lần để chị Ph có vốn mua mít thời gian từ ngày 13/02/2025 – 12/4/2025, tổng số tiền là 219.000.000 đồng. Tuy nhiên chị Ph đã trả lại anh K số tiền 49.000.000 đồng

vào các ngày 05/4, 04/6 và ngày 05/6/2025 việc anh K cũng xác nhận có. Còn nợ lại 170.000.000 đồng.

Chị Ph cho rằng anh K chuyển cho chị Ph 193.300.000 đồng, trong đó khoản tiền 170.000.000 đồng là tiền anh K chuyển cho chị Ph để nhờ chị Ph mua mít dùm và yêu cầu cân trừ vào số tiền mà chị Ph đã chuyển trả lại cho anh K vào các ngày 17/2/2025 chị Ph chuyển trả 40.400.000 đồng, ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển trả 29.000.000 đồng, ngày 05/4/2025 chị Ph chuyển trả 7.976.000 đồng, ngày 15/4/2025 chị Ph chuyển trả 7.000.000 đồng còn lại 108.924.000 đồng thì chị Ph đồng ý trả cho anh K.

Tuy nhiên xét việc chị Ph chỉ đồng ý trả cho anh K số tiền 108.924.000 đồng không có cơ sở vì:

Thứ nhất: Đối chiếu các chứng từ chuyển khoản thì khoản tiền 40.400.000 đồng mà chị Ph chuyển trả cho anh K ngày 17/02/2025 là chị Ph trả các khoản tiền vay anh K trước ngày 23/02/2025, việc này anh K đã xác định đúng nhưng anh K đang kiện yêu cầu chị Ph trả số tiền 170.000.000 đồng còn thiếu tính thời điểm từ ngày 23/02/2025 đến ngày 12/4/2025.

Thứ hai: Số tiền 7.976.000 đồng và 7.000.000 đồng chị Ph chuyển cho anh K đây là khoản tiền lợi nhuận tính trên mỗi kg mít mà chị Ph thu mua của dân rồi cho lợi nhuận anh K, mỗi kg là 500đ, không phải khoản tiền chị Ph trả vào tiền gốc mà anh K cho chị Ph vay vì qua tài liệu nguyên đơn cung cấp là tin nhắn zalo, sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện nội dung giữa chị Phung và anh K có thỏa thuận khoản tiền mà anh K chuyển cho chị Ph là để chị Ph có vốn mua mít và mỗi kg mít thì chị Ph sẽ cho anh K lợi nhuận 500 đồng.

Đối chiếu các hóa đơn bán hàng và các khoản tiền mà chị Ph chuyển cho anh K vào các ngày 05/04/2025, 15/4/2025, 24/04/2025, 11/06/2025, ngày 27, ngày 29/06/2025 và ngày 08/7/2025 thì xác định số tiền 36.152.000 đồng (trong có có số tiền 7.976.000 đồng và 7.000.000 đồng mà chị Ph yêu cầu cân trừ vào tiền vốn) Hội đồng xét xử xác định đây là khoản tiền lợi nhuận chị Ph chuyển cho anh K trên tổng số kg mít chị Ph đã thu mua nên không thể cân trừ vào số tiền vốn gốc mà anh K cho chị Ph vay.

Thứ 3: Số tiền 29.000.000 đồng chị Ph yêu cầu cân trừ vào tiền vốn gốc thì đã được anh K xác nhận việc này nhưng tổng số tiền anh K cho chị Ph vay thông qua chuyển khoản và tiền mặt từ ngày 13/02/2025 – 12/4/2025 là 219.000.000 đồng không phải 193.300.000 đồng như chị Ph xác định nên khi chị Ph chuyển trả cho anh K số tiền 29.000.000 đồng ngày 05/4/2025, trả 10.000.000 đồng ngày

04/6/2025 và trả 10.000.000 đồng ngày 05/6/2025 thì chị Ph còn nợ anh K là 170.000.000 đồng.

Thứ tư: Tuy các lần vợ anh K là chị Kim A đưa tiền mặt cho chị Ph không có làm biên nhận nhưng qua tin nhắn zalo vào tháng 7 năm 2025 giữa chị Ph và anh K có trao đổi: Khi anh K nhắn xác định chị Ph còn nợ anh K 170.000.000 đồng và chị Ph nhắn trả lời lại là xin anh K trả dần do còn nợ nhiều người.

Chị Ph xác định số điện thoại và tên zalo được thể hiện trong tin nhắn mà anh K cung cấp là của chị Ph sử dụng.

Do đó đối chiếu tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự xác định hiện chị Ph còn nợ của anh K số tiền 170.000.000 đồng.

Anh K và chị Kim A đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và anh K thống nhất yêu cầu chị Ph trả cho vợ chồng anh K số tiền 170.000.000 đồng nên cần buộc chị Ph có trách nhiệm trả cho anh K và chị Kim A số tiền 170.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với việc anh K yêu cầu bà Trần Thị T liên đới cùng chị Ph trả số tiền 170.000.000 đồng thì Hội đồng xét thấy.

Qua tài liệu mà nguyên đơn cung cấp như tin nhắn zalo, sao kê các lần chuyển tiền qua lại thì không có tài liệu nào thể hiện bà Tư liên quan đến khoản tiền 170.000.000 đồng mà anh K đang kiện.

Hơn nữa văn bản trình bày ý kiến của anh K, chị Kim A và tại phiên tòa anh Phúc đại diện cho anh K đều xác định anh K chuyển khoản qua số tài sản của chị Ph nhận, còn các lần chị Kim A giao tiền mặt thì chị Ph là người nhận tiền, không có lần nào bà Tư nhận. Trong khi bà Tư không thừa nhận việc này. Do đó việc nguyên đơn cho rằng bà Tư có liên quan đến khoản tiền 170.000.000 đồng và yêu cầu bà Tư liên đới cùng chị Ph trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn K buộc chị Huỳnh Thị Ph trả cho anh Huỳnh Tấn K và chị Trần Thị Kim A số tiền còn thiếu 170.000.000 đồng.

[2.3]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 170.000.000 đồng trả cho anh K, chị Kim A.

Anh Huỳnh Tấn K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bà Trần Thị T liên đới cùng chị Ph trả nợ nhưng không được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn K. Buộc chị Huỳnh Thị Ph trả cho anh Huỳnh Tấn K và chị Trần Thị Kim A số tiền vay còn thiếu là 170.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Tấn K về việc yêu cầu bà Trần Thị T liên đới cùng chị Huỳnh Thị Ph trả số tiền 170.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng.

Anh Huỳnh Tấn K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0009460 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh Huỳnh Tấn K được nhận lại 3.950.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND KV8-ĐT;
- Phòng THADS KV8-ĐT;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình